

Số: 89/NQ-HĐND

Hòn Đất, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện,
thu, chi ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2022;

Xét Tờ trình số 310/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 46/BC-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022. Cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện 102.500 triệu đồng.

2. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương 741.125 triệu đồng, bao gồm:

- Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp 60.600 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 615.116 triệu đồng.

- Thu chuyên nguồn từ năm trước chuyển sang 65.409 triệu đồng.

3. Chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương 741.125 triệu đồng, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển 90.562 triệu đồng.

- Chi thường xuyên 593.703 triệu đồng.

- Chi các lĩnh vực khác 35.733 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách 11.545 triệu đồng.

- Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương 9.582 triệu đồng.

(Kèm theo các Biểu số 15, 16, 17 ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Hòn Đất khóa X, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày ký./. Dương

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn cấp huyện;
- LĐVP HĐND và UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang TTĐT tổng hợp huyện;
- Lưu: VT.

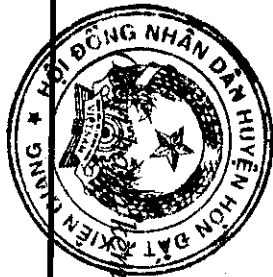
CHỦ TỊCH**Đỗ Văn Tân**

Biểu số 15

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Hòn Đất



Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021 (hiện hành)	Ước TH năm 2021 (hiện hành)	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	886.413	877.836	741.125	-136.711	84,4%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	59.450	50.873	60.600	9.727	119,1%
-	Thu NSDP hưởng 100%	6.750	4.073	5.100	1.027	125,2%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	48.700	42.800	53.700	10.900	125,5%
-	Thu tiền SDD huyện được để lại chi đầu tư	4.000	4.000	1.800	-2.200	45,0%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	604.846	604.846	615.116	10.270	101,7%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	322.897	322.897	469.085	146.188	145,3%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	281.949	281.949	146.031	-135.918	51,8%
III	Thu kết dư	0	0		0	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	222.117	222.117	65.409	-156.708	29,4%
B	TỔNG CHI NSDP	886.413	877.836	741.125	-136.711	84,4%
I	Tổng chi cân đối NSDP	821.004	729.418	741.125	11.707	101,6%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	124.050	111.655	90.562	-21.093	81,1%
2	Chi thường xuyên	677.440	605.991	593.703	-12.288	98,0%
3	Chi các lĩnh vực khác			35.733	35.733	
4	Dự phòng ngân sách	11.772	11.772	11.545	-227	98,1%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021 (hiện hành)	Ước TH năm 2021 (hiện hành)	Dự toán năm 2022	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.742	0	9.582	1.840	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	65.409	148.418		-148.418	0,0%



PHÂN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022
theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Hòn Đất)

Biểu số 16
(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	91.500	50.873	102.500	60.600	112,0%	119,1%
1	Thu nội địa	91.500	50.873	102.500	60.600	112,0%	119,1%
	Khu vực DNNN địa phương	1.900	0	1.200	0	63,2%	
	- Thuế VAT, TNDN	1.900	0	1.200	0	63,2%	
	+ Thuế VAT	650	0	600	0	92,3%	
	+ Thuế TNDN	1.250	0	600	0	48,0%	
2	Thu thuế CTN và dịch vụ ngoài quốc doanh	23.800	21.800	31.400	30.400	131,9%	139,4%
	- Thuế VAT, TNDN	21.800	21.800	30.400	30.400	139,4%	139,4%
	+ Thuế VAT	19.300	19.300	26.600	26.600	137,8%	137,8%
	+ Thuế TNDN	2.500	2.500	3.800	3.800	152,0%	152,0%
	- Thuế tài nguyên	2.000	0	1.000	0	50,0%	
3	Lệ phí trước bạ	21.000	21.000	23.300	23.300	111,0%	111,0%
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	0	0	0		
5	Thuế nhà đất	0	0	0	0		
6	Thuế thu nhập cá nhân	21.000	0	27.600	0	131,4%	
7	Thu tiền sử dụng đất	6.500	4.000	3.000	1.800	46,2%	45,0%

Số TT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	4.290	0	4.000	0	93,2%	
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	316	0		0		
10	Thu phí và lệ phí	5.426	1.838	5.200	2.200	95,8%	119,7%
	- Phí, lệ phí Trung ương hưởng	2.943	0	2.600	0	88,3%	
	- Phí, lệ phí tỉnh hưởng	645	0	400	0	62,0%	
	- Phí, lệ phí huyện hưởng	871	871	1.000	1.000	114,8%	114,8%
	- Phí, lệ phí xã hưởng	967	967	1.200	1.200	124,1%	124,1%
11	Thu khác	7.268	2.235	6.800	2.900	93,6%	129,8%
	- Thu khác Trung ương hưởng	1.053	0	1.200	0	114,0%	
	- Thu khác ngân sách tỉnh hưởng	3.980	0	2.700	0	67,8%	
	- Thu khác cân đối huyện	369	369	700	700	189,7%	189,7%
	- Thu khác cân đối xã	1.866	1.866	2.200	2.200	117,9%	117,9%
12	Thu huy động đóng góp XDCSHT	0	0		0		
13	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	0	0		0		



ĐIỀU TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022
 Hành chính kèm theo Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND huyện Hòn Đất

Biểu số 17
 (Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
 ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối 3=2-1	Tương đối (%) 4=2/1
A	TỔNG CHI NSDP	1	2	3=2-1	4=2/1
		<u>886.413</u>	<u>741.125</u>	<u>-145.288</u>	<u>83,6%</u>
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	821.004	741.125	-79.879	90,3%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	124.050	90.562	-33.488	73,0%
I	Chi đầu tư cho các dự án	124.050	90.562	-34.402	73,0%
a	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	124.050	90.562	-34.402	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	37.769	35.061	-2.708	
-	Chi Văn hóa - Thông tin	10.502	12.008	1.506	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	1.241	2.411		
-	Chi an ninh trật tự và an toàn xã hội	107			
-	Chi bảo vệ môi trường	149			
-	Chi các hoạt động kinh tế	61.824	30.369	-31.455	
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	11.450	9.283	-2.167	
-	Chi đảm bảo xã hội	1.008	1.430	422	
b	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	124.050	90.562	0	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.855	1.800		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	65.572	64.659		
-	Chi đầu tư từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	17.851	19.927		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
-	Chi đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia	842			
-	Chi đầu tư từ nguồn vốn ngân sách trung ương	0	500		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu huy động xây dựng cơ sở hạ tầng	10.034			
-	Chi đầu tư từ các nguồn vốn khác thuộc ngân sách cấp huyện	27.896	3.676		
II	Chi thường xuyên	677.440	593.703	-83.737	87,6%
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	293.729	276.708	-17.021	94,2%
2	Chi khoa học và công nghệ (2)				
III	Chi các lĩnh vực khác		35.733		
IV	Dự phòng ngân sách	11.772	11.545	-227	98,1%
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	7.742	9.582	1.840	123,8%
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên				
B	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	65.409		-65.409	